

Hơn 80 năm thực hiện chính sách xã hội ở Việt Nam

PGS, TS Lê Thị Thanh Hà

Phó Viện trưởng Viện Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

21:48, ngày 30-06-2026

TCCS - Từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay, Đảng và Nhà nước nhất quán lấy con người làm trung tâm, chủ thể, mục tiêu, động lực của phát triển, gắn chính sách xã hội với chính sách kinh tế. Trên nền tảng đó, hơn 80 năm qua, Việt Nam đạt nhiều kết quả nổi bật về dân số, tuổi thọ, thu nhập, ưu đãi người có công, lao động, việc làm, bảo hiểm xã hội, giáo dục, giảm nghèo và dịch vụ xã hội cơ bản; đồng thời tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách, hướng tới phát triển bao trùm, bền vững, “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

Quan điểm nhất quán của Đảng và cơ sở chính trị - pháp lý về chính sách xã hội

Cách mạng Tháng Tám với việc giành được độc lập dân tộc đã mở ra một kỷ nguyên mới cho nhân dân Việt Nam. Trong bối cảnh đất nước đứng trước muôn vàn khó khăn: Nạn đói, giặc dốt, thù trong giặc ngoài, Đảng và Chính phủ lâm thời đã đặc biệt quan tâm đến việc ban hành những chính sách xã hội đầu tiên, coi đó là nhiệm vụ trọng tâm song song với củng cố chính quyền cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Nếu nước được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”⁽¹⁾.

Tinh thần ấy được cụ thể hóa bằng chủ trương, sắc lệnh quan trọng. Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 14/SL, ngày 8-9-1945, về tổ chức Tổng tuyển cử, trao quyền làm chủ đất nước cho nhân dân; Sắc lệnh số 17/SL, ngày 8-9-1945, bãi bỏ thuế thân, một loại sưu cao thuế nặng của chế độ thực dân phong kiến; Sắc lệnh số 19/SL, ngày 8-9-1945, quy định ngày làm việc 8 giờ, thể hiện bước khởi đầu của chính sách lao động và việc làm mới. Đồng thời, phong trào “diệt giặc đói, diệt giặc dốt” được phát động rộng rãi, hàng triệu người được cứu sống nhờ chính sách cứu đói kịp thời, hàng triệu người thoát mù chữ nhờ phong trào bình dân học vụ.

Như vậy, ngay trong những ngày đầu thành lập nước, Đảng và Nhà nước ta đã xác lập nguyên tắc: Chính sách xã hội phải lấy con người làm gốc, chăm lo đời sống nhân dân gắn với bảo vệ độc lập dân tộc và kiến thiết quốc gia.

Đất nước bước vào giai đoạn hòa bình, thống nhất với muôn vàn khó khăn, như kinh tế kiệt quệ, đời sống nhân dân còn nhiều thiếu thốn. Trước tình hình đó, Đại hội VI của Đảng (năm 1986) đã mở ra đường lối đổi mới toàn diện, trong đó đặc biệt nhấn mạnh: Phát triển kinh tế phải gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Đây là bước ngoặt tư duy quan trọng, khắc phục tình trạng coi nhẹ chính sách xã hội.

Văn kiện Đại hội VI của Đảng chỉ rõ: “Chính sách xã hội thống nhất với chính sách kinh tế, khắc phục thái độ coi nhẹ chính sách xã hội”⁽²⁾. Trên cơ sở đó, hàng loạt chính sách lớn được triển khai: Đổi mới cơ chế tiền lương, phát triển giáo dục, y tế, xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về dân số - kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

Trong 40 năm đổi mới, Việt Nam từng bước xây dựng hệ thống an sinh xã hội theo hướng ngày càng toàn diện, bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ giúp xã hội, ưu đãi người có công. Những chính sách này đã góp phần đưa tỷ lệ nghèo giảm nhanh (từ hơn 58% năm 1993 xuống còn dưới 3% vào năm 2022, theo chuẩn nghèo đa chiều), tạo điều kiện cải thiện đáng kể đời sống nhân dân, nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam.

Bước sang thế kỷ XXI, trước yêu cầu phát triển mới, Đảng tiếp tục khẳng định và phát triển quan điểm về chính sách xã hội. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) nêu rõ: “Chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”⁽³⁾.

Tinh thần này được kế thừa và phát triển trong Đại hội XII, XIII, XIV của Đảng, đặc biệt là quan điểm: Thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách phát triển; bảo đảm để mọi người dân đều được thụ hưởng thành quả đổi mới và phát triển đất nước.

Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24-11-2023, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “Về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới” tiếp tục khẳng định: “Chính sách xã hội là chính sách chăm lo cho con người, vì con người; lấy con người làm trung tâm, là chủ thể, mục tiêu, động lực, nguồn lực phát triển bền vững đất nước”⁽⁴⁾. Đồng thời, Nghị quyết nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện đồng bộ thể chế, mở rộng bao phủ an sinh xã hội, gắn với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Có thể thấy, quan điểm về chính sách xã hội ngày càng toàn diện, gắn chặt với chiến lược phát triển quốc gia, phản ánh rõ sự nhất quán tư tưởng của Đảng ta trong suốt tiến trình lãnh đạo cách mạng.

Nếu như quan điểm của Đảng là nền tảng chính trị, thì Hiến pháp và hệ thống pháp luật chính là cơ sở pháp lý cao nhất để hiện thực hóa các chính sách xã hội. Hiến pháp năm 2013 của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế đã thể chế hóa toàn diện những tư tưởng, quan điểm lớn của Đảng về chính sách xã hội. Trong đó, Chương II khẳng định các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, như: Quyền sống, quyền được bảo đảm an sinh xã hội, quyền học tập, quyền được chăm sóc sức khỏe, quyền bình đẳng

giới, quyền tiếp cận thông tin. Chương III quy định về các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường, đặt nền tảng hiến định cho việc xây dựng, ban hành hệ thống luật pháp và chính sách xã hội đồng bộ.

Trên cơ sở Hiến pháp, hàng loạt đạo luật quan trọng được ban hành và hoàn thiện, như: Luật Bảo hiểm xã hội (năm 2014), Luật Việc làm (năm 2013), Luật Người cao tuổi (năm 2009), Luật Người khuyết tật (năm 2010), Luật Trẻ em (2016)... Các luật này đã cụ thể hóa quyền an sinh xã hội, mở rộng diện bao phủ, nâng cao mức độ bảo đảm, đồng thời đặt Việt Nam trong quỹ đạo thực hiện các chuẩn mực quốc tế về nhân quyền và phát triển bền vững. Bên cạnh đó, ba Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 (giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) đều trực tiếp gắn với mục tiêu an sinh xã hội, thể hiện quyết tâm mạnh mẽ của Đảng và Nhà nước trong chăm lo đời sống nhân dân.

Có thể khẳng định, quan điểm nhất quán của Đảng ta về chính sách xã hội là: Lấy con người làm trung tâm, coi chính sách xã hội vừa là mục tiêu vừa là động lực của phát triển, thống nhất chặt chẽ với chính sách kinh tế, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội. Hệ thống chính trị - pháp lý, từ Hiến pháp đến luật pháp và các cơ chế, chính sách cụ thể ngày càng được hoàn thiện, đồng bộ và khả thi. Đây chính là nền tảng vững chắc để Việt Nam tiếp tục nâng cao chất lượng an sinh xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn mới.

Kết quả nổi bật qua hơn 80 năm thực hiện chính sách xã hội

Một là, về dân số, tuổi thọ, thu nhập và trình độ phát triển con người.

Ngay sau ngày độc lập năm 1945, đất nước chỉ có khoảng 20 triệu dân, đời sống nhân dân vô cùng khó khăn, hơn 2 triệu đồng bào chết đói⁽⁵⁾. Nhờ sự lãnh đạo của Đảng, cùng với tiến trình đổi mới và hội nhập, Việt Nam đã đạt bước tiến vượt bậc: Đến ngày 14-8-2025, dân số đạt 101,7 triệu người, đứng thứ 15 thế giới, tạo lợi thế về nguồn nhân lực dồi dào và thị trường tiêu dùng lớn. Tuổi thọ trung bình tăng lên 74,7 tuổi năm 2024 (nam 72,3; nữ 77,3), phản ánh sự cải thiện rõ rệt về y tế, dinh dưỡng, giáo dục và chất lượng sống⁽⁶⁾.

Chỉ số Phát triển con người (HDI) liên tục được cải thiện, hiện xếp thứ 115/191 quốc gia, minh chứng Việt Nam đã từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, mở rộng cơ hội phát triển cho người dân. Từ một quốc gia thiếu ăn, nay Việt Nam trở thành một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới, với sản lượng 9 triệu tấn, trị giá 5,7 tỷ USD năm 2024. Về quy mô kinh tế, GDP tăng từ 8 tỷ USD (năm 1986) lên 476,3 tỷ USD (năm 2024), GDP bình quân đầu người từ 80 USD (năm 1975) lên 4.700 USD (năm 2024)⁽⁷⁾; năm 2025, GDP bình quân của Việt Nam đạt 4.829 USD. Thành tựu này tạo cơ sở vật chất vững chắc cho việc mở rộng và nâng cao chất lượng chính sách xã hội, khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn.

Hai là, về chính sách ưu đãi người có công với cách mạng.

Trải qua hai cuộc kháng chiến trường kỳ, cả nước có hơn 9,2 triệu người có công được xác nhận, trong đó trên 1,3 triệu người đang hưởng chế độ ưu đãi hằng tháng. Đến năm 2025, mức chuẩn tính trợ cấp ưu đãi là 2.789.000 đồng. Hàng trăm nghìn hộ người có công được hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở; cả nước có 9.637 công trình ghi công liệt sĩ; trên 99% xã, phường làm tốt công tác thương binh - liệt sĩ; 99,5% gia đình người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức trung bình tại địa phương⁽⁸⁾. Ngoài ra, các chế độ, chính sách dành cho thanh niên xung phong, gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh..., từng bước được hoàn thiện, bảo đảm cả về vật chất lẫn tinh thần.

Những kết quả đó thể hiện rõ bản chất ưu việt, nhân văn của chế độ ta: Lấy đạo lý “uống nước nhớ nguồn” làm nền tảng, chăm lo chu đáo đời sống vật chất và tinh thần cho người có công, đồng thời khẳng định trách nhiệm chính trị, nhân văn của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội. Đây cũng là yếu tố củng cố niềm tin của nhân dân, tăng cường sự gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân, góp phần quan trọng vào sự ổn định và phát triển đất nước.

Ba là, về lao động, việc làm và bảo hiểm xã hội.

Ngay từ buổi đầu lập quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã coi lao động và việc làm vừa là quyền cơ bản, vừa là nghĩa vụ thiêng liêng của công dân. Sắc lệnh số 29/SL, ngày 12-3-1947 gồm 10 chương, 187 điều đã đặt nền móng pháp lý đầu tiên bảo vệ quyền lợi người lao động. Quan điểm này được kế thừa, phát triển thành hệ thống pháp luật lao động - an sinh ngày càng toàn diện, phù hợp điều kiện Việt Nam và chuẩn mực quốc tế, tiêu biểu, như Bộ luật Lao động (năm 2019), Luật An toàn, vệ sinh lao động (năm 2015), Luật Việc làm (năm 2013), Luật Bảo hiểm xã hội (năm 2024), Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài (năm 2020)...

Thị trường lao động những năm gần đây phục hồi mạnh mẽ. Đến cuối năm 2024, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đạt 53,2 triệu người; mỗi năm tạo việc làm cho 1,5 - 1,6 triệu lao động; tỷ lệ thất nghiệp chung duy trì dưới 3% (thành thị dưới 4%)⁽⁹⁾. Chính sách việc làm gắn với đào tạo nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từng bước đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Cùng với đó, hệ thống bảo hiểm xã hội - trụ cột an sinh quan trọng - phát triển nhanh chóng. Cuối năm 2024, cả nước có trên 20 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội (42,7% lực lượng lao động trong độ tuổi), trong đó bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt 2,3 triệu (4,9%); tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 94,1% dân số. Dự kiến năm 2025 có 21,3 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội (45,1%)⁽¹⁰⁾, tiệm cận mục tiêu Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 23-5-2018, của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội”.

Bảo hiểm thất nghiệp cũng ngày càng khẳng định vai trò “giá đỡ” cho người lao động và doanh nghiệp khi gặp rủi ro.

Những thành tựu trên không chỉ phản ánh hiệu quả kinh tế - xã hội mà còn khẳng định tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa: Bảo đảm quyền lao động, quyền an sinh cho mọi công dân, củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước, tạo nền tảng vững chắc cho đất nước phát triển bền vững trong bối cảnh mới.

Bốn là, về trình độ dân trí và giáo dục - đào tạo.

Một trong những thành tựu nổi bật nhất của chính sách xã hội Việt Nam trong 80 năm qua chính là sự thay đổi căn bản về dân trí và giáo dục. Năm 1945, hơn 90% dân số mù chữ - một thách thức to lớn đối với sự nghiệp kiến thiết đất nước. Ngay sau khi giành chính quyền, Đảng và Nhà nước đã phát động phong trào “Bình dân học vụ”, huy động toàn dân tham gia chống nạn mù chữ. Từ nền tảng ấy, đến nay Việt Nam đã cơ bản hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, tiến gần phổ cập trung học cơ sở, mở rộng tiếp cận giáo dục phổ thông và đại học cho đông đảo nhân dân.

Theo số liệu năm 2024, tỷ lệ đi học chung đạt mức cao: Tiểu học 98,7%, trung học cơ sở 95,6% và trung học phổ thông 79,9%; tỷ lệ đi học đúng độ tuổi lần lượt là 98,3%, 95,2% và 79,4%⁽¹¹⁾. Những con số này khẳng định sự nỗ lực không ngừng của Đảng, Nhà nước trong việc bảo đảm cơ hội học tập cho mọi người dân, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Bên cạnh đó, tỷ lệ dân số có trình độ trung học phổ thông trở lên gia tăng rõ rệt, phản ánh chất lượng dân trí được nâng lên. Tính đến quý IV-2024, lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ đạt 28,6%, đây là bước tiến vững chắc trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của đất nước.

Không chỉ mở rộng quy mô, chất lượng giáo dục và kỹ năng lao động tiếp tục được cải thiện, thể hiện qua năng suất lao động tăng và thành tích ổn định ở các kỳ thi quốc tế. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2024, năng suất lao động toàn nền kinh tế ước đạt 221,9 triệu đồng/lao động (≈ 9.182 USD), tốc độ tăng 5,88%, là mức tăng cao trong nhiều năm gần đây, như giai đoạn 2011 - 2015, bình quân tăng 4,3%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 tăng 5,8 - 6%/năm⁽¹²⁾. Về giáo dục phổ thông, Việt Nam duy trì nhóm dẫn đầu khu vực tại các Olympic quốc tế: IMO 2025 (2 huy chương vàng, 3 huy chương bạc, 1 huy chương đồng, xếp Top 10), IPhO 2024 (2 HCV, 3 HCB), IOI 2024 (2 huy chương vàng, 1 huy chương bạc, 1 huy chương đồng, xếp Top 4)⁽¹³⁾. Ở bậc đại học và giáo dục nghề nghiệp, chủ trương gắn đào tạo với nhu cầu thị trường lao động được đẩy mạnh, tăng liên kết nhà trường - doanh nghiệp, từng bước hội nhập chuẩn khu vực/quốc tế.

Những thành tựu về giáo dục - đào tạo không chỉ góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài mà còn là cơ sở quan trọng để phát huy sức mạnh nội sinh của đất nước. Đây cũng là minh chứng rõ ràng cho tính đúng đắn

trong quan điểm của Đảng: “Giáo dục là quốc sách hàng đầu”, gắn kết chặt chẽ với chính sách xã hội, coi con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển.

Năm là, về giảm nghèo và phát triển bao trùm.

Giảm nghèo luôn là ưu tiên hàng đầu của chính sách xã hội Việt Nam. Từ một đất nước nghèo nàn, nạn đói năm 1945 cướp đi gần 2 triệu sinh mạng, Việt Nam từng bước khắc phục khó khăn, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Trong thời kỳ đổi mới, cùng với tăng trưởng kinh tế, các chương trình xóa đói, giảm nghèo được triển khai mạnh mẽ, đặc biệt là Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói, giảm nghèo (năm 1998), Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2025.

Và kết quả ấn tượng: Tỷ lệ hộ nghèo từ 58% năm 1993 giảm xuống dưới 3% năm 2024. Việt Nam trở thành một trong những quốc gia đầu tiên hoàn thành Mục tiêu Thiên niên kỷ về xóa đói, giảm nghèo, được cộng đồng quốc tế đánh giá là “điểm sáng”. Tầng lớp trung lưu tăng nhanh, từ 13% dân số năm 2022, dự báo đạt 26% vào năm 2026⁽¹⁴⁾, tạo động lực quan trọng cho tiêu dùng và mở rộng thị trường. Thành tựu giảm nghèo thể hiện ở cả khía cạnh đa chiều: Tiếp cận giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin... Chính sách trợ giúp xã hội cùng các chương trình phát triển vùng đặc thù (miền núi, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số) góp phần thu hẹp khoảng cách, bảo đảm công bằng xã hội và gắn kết cộng đồng. Cách tiếp cận gắn giảm nghèo với phát triển bao trùm và nâng cao khả năng chống chịu rủi ro ngày càng chứng minh hiệu quả trong bối cảnh biến đổi khí hậu, dịch bệnh và các “cú sốc” toàn cầu.

Có thể khẳng định, từ chỗ chỉ đặt mục tiêu “có ăn, có mặc, có chỗ ở, có học hành”, Việt Nam đã nâng tầm chính sách giảm nghèo thành chiến lược phát triển toàn diện, hướng tới mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, khẳng định tính nhân văn, ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa.

Sáu là, về dịch vụ xã hội cơ bản và chất lượng sống.

Song song với giảm nghèo, Đảng và Nhà nước chú trọng mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ xã hội cơ bản, coi đây là yếu tố quyết định để cải thiện đời sống nhân dân và phát triển con người toàn diện. Hệ thống y tế được củng cố mạnh mẽ với 47 bệnh viện tuyến Trung ương, 419 tuyến tỉnh, 684 tuyến huyện và 182 bệnh viện tư nhân, bảo đảm tiếp cận dịch vụ y tế rộng khắp. Bảo hiểm y tế toàn dân đạt tỷ lệ bao phủ 94,1% dân số vào cuối năm 2024, góp phần thực hiện công bằng trong chăm sóc sức khỏe. Điều kiện sống được cải thiện rõ rệt: 97,6% hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố; diện tích bình quân 26,6 m²/người; 99,8% hộ dùng điện lưới; 99% hộ có nước hợp vệ sinh; 95,1% hộ có hố xí đạt chuẩn. Tiện nghi sinh hoạt cũng nâng cấp đáng kể: 97,3% hộ có điện thoại di động hoặc máy tính bảng; 89,4% hộ có xe máy; 9% hộ có ô tô. Chính sách trợ giúp xã hội ngày càng bao phủ rộng, trở thành chỗ dựa thiết thực cho nhóm yếu thế. Giai đoạn 2016 - 2024, số người hưởng trợ giúp thường xuyên đạt 3,8 triệu (hơn 3% dân

số); mức chuẩn trợ giúp tăng từ 270.000 đồng/tháng lên 500.000 đồng/tháng; chi ngân sách tăng 113%, từ 15.000 tỷ đồng lên 32.000 tỷ đồng⁽¹⁵⁾.

Nhìn tổng thể, sự phát triển đồng bộ của các dịch vụ xã hội cơ bản, từ y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch đến trợ giúp xã hội đã nâng cao chất lượng sống, củng cố niềm tin xã hội, khẳng định tính nhân văn và ưu việt của chính sách xã hội Việt Nam trong 80 năm qua.

Một số nhận xét và gợi mở

Thứ nhất, thành tựu nổi bật trong 80 năm thực hiện chính sách xã hội đã khẳng định rõ tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa và đường lối đúng đắn của Đảng ta. Chính sách xã hội luôn gắn bó chặt chẽ với chính sách kinh tế, thể hiện sự nhất quán trong tư duy phát triển. Nhờ đó, mặc dù phải trải qua chiến tranh tàn khốc, thời kỳ cấm vận kéo dài và những biến động sâu sắc của kinh tế thế giới, Việt Nam vẫn từng bước khẳng định vị thế, từ một quốc gia nghèo, thiếu ăn, thiếu mặc trở thành nước có thu nhập trung bình, đạt được nhiều thành tựu được cộng đồng quốc tế ghi nhận. Đây là minh chứng sinh động cho tính đúng đắn của đường lối phát triển toàn diện, coi con người vừa là trung tâm, vừa là mục tiêu và động lực của sự phát triển do Đảng và Nhà nước ta xác định.

Thứ hai, việc hoàn thiện thể chế, chính sách xã hội trong giai đoạn tới phải tiếp tục bám sát các nguyên tắc hiến định và định hướng của Đảng.

Chương II, III, Hiến pháp năm 2013 đã đặt nền tảng pháp lý vững chắc để xây dựng hệ thống chính sách xã hội toàn diện. Trên cơ sở đó, nhiều nghị quyết quan trọng của Đảng, như Nghị quyết số 15-NQ/TW, ngày 10-6-2012, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) “Về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020”, Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24-11-2023, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “Về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới”, Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 23-5-2028, của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội” đã xác lập định hướng chiến lược cho lĩnh vực này. Tuy nhiên, những thách thức mới của đất nước, đặc biệt là già hóa dân số, biến đổi khí hậu, dịch bệnh toàn cầu..., đòi hỏi hệ thống chính sách xã hội phải được triển khai đồng bộ theo hướng đa tầng, bao trùm, hiện đại, vừa bảo đảm tính bền vững tài chính, vừa nâng cao khả năng thích ứng.

Thứ ba, cải cách hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là yêu cầu cấp thiết.

Hiện nay, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm xã hội mới đạt trên 45% lực lượng lao động trong độ tuổi, trong khi mục tiêu Nghị quyết số 28-NQ/TW đặt ra đến năm 2030 là khoảng 60%. Đặc biệt, khu vực phi chính thức với hàng chục triệu lao động vẫn chưa có sự tham gia đầy đủ vào hệ thống. Việc mở rộng diện bao phủ

cần đi đôi với cải thiện chất lượng dịch vụ, hiện đại hóa quản lý, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, kết nối dữ liệu dân cư - an sinh để ngăn ngừa trục lợi chính sách, đồng thời nâng cao niềm tin của người dân vào hệ thống. Bên cạnh đó, chính sách bảo hiểm thất nghiệp cần gắn chặt hơn với đào tạo lại, nâng cao kỹ năng nghề, bảo đảm khả năng thích ứng của người lao động trong bối cảnh chuyển đổi số và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Thứ tư, tiếp tục ưu tiên chính sách giảm nghèo và phát triển bao trùm gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Nghị quyết Đại hội XIII đã nhấn mạnh: Phát triển con người toàn diện và xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong ba đột phá chiến lược. Chính sách xã hội phải chú trọng hơn đến giáo dục - đào tạo, phát triển kỹ năng số, phổ cập kiến thức khoa học, công nghệ mới, đồng thời quan tâm đúng mức đến chính sách nhà ở xã hội, dịch vụ y tế cơ bản, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi trong bối cảnh dân số già hóa nhanh chóng. Xây dựng mạng lưới an sinh xã hội có khả năng thích ứng trước thiên tai, dịch bệnh, biến động kinh tế toàn cầu,... sẽ tạo nền tảng vững chắc để người dân yên tâm lao động, cống hiến.

Thứ năm, truyền thông chính sách và sự tham gia của toàn xã hội là yếu tố quyết định đến hiệu quả thực thi chính sách.

Đổi mới mạnh mẽ công tác truyền thông, giúp nhân dân hiểu đúng, đủ quyền lợi, nghĩa vụ, cơ hội và thách thức trong thực hiện chính sách. Đồng thời, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát, phản biện, tham gia triển khai các chính sách; khuyến khích doanh nghiệp và cộng đồng thực hiện trách nhiệm xã hội, chung tay cùng Đảng, Nhà nước bảo đảm an sinh cho người dân. Đây cũng là cách thức thiết thực để củng cố niềm tin xã hội, tạo sự đồng thuận chính trị, nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Thứ sáu, thành tựu 80 năm thực hiện chính sách xã hội là nền tảng quan trọng để đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới với niềm tin và khí thế mới.

Những thách thức trong và ngoài nước đang đặt ra yêu cầu phải tiếp tục đổi mới tư duy, hoàn thiện thể chế, hiện đại hóa quản lý, nâng cao năng lực thực thi, gắn kết chặt chẽ chính sách xã hội với phát triển kinh tế, coi con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực, để chính sách xã hội thực sự trở thành một trong các trụ cột của phát triển bền vững.

80 năm qua, chính sách xã hội của Việt Nam không ngừng được đổi mới, hoàn thiện trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, hướng tới mục tiêu phát triển con người và phát triển bao trùm. Những thành tựu về dân số, tuổi thọ, thu nhập, HDI, giảm nghèo bền vững, mở rộng bao phủ an sinh và cải thiện dịch vụ cơ bản đã khẳng định tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong bối cảnh mới, việc tiếp tục hoàn thiện hệ thống

chính sách xã hội theo hướng hiện đại, bền vững, thích ứng với già hóa dân số, biến đổi khí hậu, dịch bệnh và gắn với tăng trưởng xanh, chuyển đổi số là nền tảng để đất nước hiện thực hóa khát vọng phát triển hùng cường, thịnh vượng, “không để ai bị bỏ lại phía sau”./.

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t. 4, tr. 6

(2) *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội 1987, tr. 86

(3) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 79

(4) Xem: Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24-11-2023, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “Về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới”, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Nghi-quyet-42-NQ-TW-2023-doi-moi-nang-cao-chat-luong-chinh-sach-xa-hoi-xay-dung-To-quoc-589023.aspx>

(5) Xem: Hồng Minh: “Tinh thần Việt Nam tạo nên thắng lợi của cách mạng”, Báo Nhân Dân điện tử ngày 22-8-2025, <https://nhandan.vn/tinh-than-viet-nam-tao-nen-thang-loi-cua-cach-mang-post902553.html>

(6), (7) Xem: “Xuất khẩu gạo dự kiến sẽ đạt kỷ lục trong năm 2024, Trung tâm WTO và hội nhập liên đoàn thương mại và công nghiệp Việt Nam”, ngày 9-9-2024, <https://trungtamwto.vn/an-pham/27404-xuat-khau-gao-du-kien-se-dat-ky-luc-trong-nam-2024>

(8) Xem: “Hoàn thiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, nâng mức trợ cấp phù hợp với điều kiện kinh tế của đất nước”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 17-7-2021, https://tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/hoan-thien-chinh-sach-uu-dai-nguoi-co-cong-voi-cach-mang-nang-muc-tro-cap-phu-hop-voi-dieu-kien-kinh-te-cua-dat-nuoc

(9) Xem: Tổng cục Thống kê: “Thông cáo báo chí về tình hình lao động, việc làm quý IV và năm 2024”, <https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2025/01/Thong-cao-bao-chi-lao-dong-Q4-2024.pdf>

(10) Xem: Ngân Anh: “Gần 43% lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội”, *Báo Nhân Dân điện tử*, ngày 3-1-2025, <https://nhandan.vn/gan-43-lao-dong-trong-do-tuoi-tham-gia-bao-hiem-xa-hoi-post854155.html>

(11) Xem: Cục Thống kê - Bộ Tài chính: “Thông cáo báo chí kết quả điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024”, <https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2025/01/thong-cao-bao-chi-ket-qua-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-giua-ky-nam-2024/>

(12) Xem: Cục Thống kê - Bộ Tài chính: “Thông cáo báo chí tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2024”, <https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2025/01/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2024/>

(13) Xem: Lê Hà: “Học sinh Việt Nam đạt 6 huy chương Olympic Toán quốc tế IMO 2025”, Báo Nhân Dân điện tử, ngày 19-7-2025, <https://nhandan.vn/hoc-sinh-viet-nam-dat-6-huy-chuong-olympic-toan-quoc-te-imo-2025-post894740.html>

(14) Xem: Ngân Anh: “Tỷ lệ hộ nghèo cả nước còn 1,93%”, Báo Nhân Dân điện tử, ngày 24-10-2024, <https://nhandan.vn/ty-le-ho-ngheo-ca-nuoc-con-193-post837061.html>

(15) Xem: Lại Thị Thu: “Quản trị nhân lực tại các bệnh viện công lập ở Việt Nam trước tác động của cách mạng 4.0: cơ hội và thách thức”, Tạp chí Tổ chức Nhà nước và Lao động, ngày 13-6-2025, <https://tcnld.vn/news/detail/68448/Quan-tri-nhan-luc-tai-cac-benh-vien-cong-lap-o-Viet-Nam-truoc-tac-dong-cua-cach-mang-4.0-co-hoi-va-thach-thuc.html>